

NHÂN HỌC NGÔN NGỮ

1. Mã học phần: ANT2002
2. Số tín chỉ: 3
3. Học phần tiên quyết: ANT1100
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Giảng viên:
 - Giảng viên 1: TS. Trần Thị Hồng Hạnh – Khoa Ngôn ngữ học – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
 - Giảng viên 2: TS. Nguyễn Ngọc Bình, – Khoa Ngôn ngữ học – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
6. Mục tiêu học phần:
 - Kiến thức:
 - + Nắm bắt được một cách đại cương nhất về nhân học ngôn ngữ. Nhận biết được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của người nghiên cứu nhân học ngôn ngữ.
 - + Hiểu được một cách đại cương về những vấn đề cơ bản của việc nghiên cứu nhân học ngôn ngữ như là một hệ thống ngôn ngữ học vĩ mô trong sự giao thoa giữa nhiều ngành khoa học nhân văn. Cụ thể là phải hiểu được “ý nghĩa” của nhân học ngôn ngữ là “khảo sát ngôn ngữ trong nền văn hoá dân tộc - nơi mà ngôn ngữ đó tồn tại”. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận biết được những liên hệ ràng buộc lẫn nhau cả về vấn đề cấu trúc cũng như nội dung giữa ngôn ngữ học, văn hoá học, tâm lý học, sinh lý học, xã hội học, giao tiếp xuyên văn hoá, tư duy lôgic, lịch sử v.v.
 - + Trong chừng mực có thể, hiểu được một cách đại cương về việc nghiên cứu nhân học ngôn ngữ không những giúp ích cho việc hiểu biết đất nước học, phong tục tập quán, hệ giá trị của từng dân tộc, mô thức hành vi của mỗi cá thể trong cộng đồng v.v. mà giúp ích rất nhiều cho việc hiểu biết phổ niệm về cấu trúc và ngữ nghĩa của ngôn ngữ loài người. Ở bình diện này, môn học cung cấp cho người học hiểu biết về giá trị văn hoá của ngôn ngữ thông qua những đặc trưng văn hoá truyền thống của dân tộc. Theo đó, hiểu rõ mối tương tác giữa *ngôn ngữ - xã hội - văn hoá* thể hiện trên cấu trúc ngôn ngữ. Đồng thời, qua nội dung này, người học có thể nhận thấy sự khác biệt nhưng liên quan với nhau của các nền văn hoá dân tộc khác nhau.
 - *Kỹ năng*
 - + Xây dựng kỹ năng mô tả, kỹ năng phân tích và kỹ năng nhận biết mối liên hệ giữa cấu trúc và ngữ nghĩa của ngôn ngữ với những hiện tượng văn hoá và xã hội.
 - + Biết cách thu thập cứ liệu ngôn ngữ, văn hoá v.v. phục vụ nghiên cứu từ góc độ nhân học ngôn ngữ. Điều này cũng có nghĩa là bước đầu có được kỹ năng nhìn nhận những vấn đề văn hoá liên quan đến ngôn ngữ học.
 - *Nhận thức*
 - + Thấy được vai trò quan trọng của việc nghiên cứu văn hoá xã hội từ góc nhìn ngôn ngữ học. Theo đó, coi ngôn ngữ vừa là nguồn ngữ liệu, vừa là luận cứ có thể góp phần

giải thích những vấn đề văn hoá khu vực, lịch sử, văn hoá ngôn ngữ học, văn hoá xã hội v.v.

+ Nhận biết sự liên hệ thống nhất và đa dạng giữa ngôn ngữ dân tộc và văn hoá dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó có ý thức nhận biết sự khác biệt về nguồn gốc giữa các ngôn ngữ dân tộc khác nhau ở Việt Nam góp phần làm phong phú vấn đề văn hoá ở Việt Nam.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Về kiến thức:

- Có những tri thức cơ bản về nhân học ngôn ngữ, một ngành khoa học nghiên cứu về bản chất của các mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, xã hội.
- Hiểu và nắm được các tri thức về những vấn đề lý thuyết (bao gồm các khái niệm, cách tiếp cận và các lập luận lý thuyết), phương pháp nghiên cứu (gồm các kỹ thuật thu thập tài liệu, phân tích, xử lý và trình bày tài liệu) và các hướng nghiên cứu chính của chuyên ngành nhân học ngôn ngữ.

Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng nhận diện các vấn đề nhân học ngôn ngữ và thực hành tiếp cận vấn đề ở mức độ khá thuần thục bằng các phương pháp nghiên cứu trong nhân học ngôn ngữ.

Về thái độ: Sinh viên được rèn luyện quan điểm nghiên cứu và tiếp cận ngôn ngữ từ góc độ nhân học, biết vận dụng các tri thức và kỹ năng đã học vào quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- *Kiểm tra và tiêu chí đánh giá:*

- + Điểm đánh giá thường xuyên: Được chấm dựa trên các cơ sở sau: đến lớp đều đặn, đúng giờ; chuẩn bị bài tốt; tích cực tham gia thảo luận, lắng nghe và phản hồi sinh viên khác thảo luận. Riêng phần thảo luận có liên quan đến phương pháp nghiên cứu trong nhân học, nên sinh viên có thể sẽ được yêu cầu làm một bài tập quan sát tham gia.
- + Điểm thi giữa kỳ: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của sinh viên đã tích lũy được cho đến thời điểm thi. Sinh viên sẽ được thông báo trước 01 tuần về những nội dung để chuẩn bị.
- + Điểm thi hết môn: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của môn học trong học kỳ. Sinh viên sẽ được thông báo về nội dung ôn tập để chuẩn bị.

- *Phân bố điểm:*

TT	Loại điểm	Tỷ lệ %	Ghi chú
1)	Đánh giá thường xuyên	10	
2)	Thi giữa kỳ	30	
3)	Thi hết môn	60	Sinh viên chỉ được tham gia thi hết môn nếu có đủ 2 điểm đánh giá

			thường xuyên và giữa kỳ đạt từ điểm D trở lên.
	Tổng cộng	100	

9. Giáo trình bắt buộc:

- Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Tử Quân (2006), *Ngôn ngữ văn hóa và xã hội – Một cách tiếp cận liên ngành*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- Trần Trí Dõi (2001). *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Khoa Nhân học (2008), *Nhân học Đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Văn Hiệp, Vũ Đức Nghiệu (2009), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
- Lương Văn Hy (chủ biên) (2000), *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức nhập môn vào Nhân học ngôn ngữ. Nội dung môn học tập trung vào vai trò của ngôn ngữ trong việc chuyển tải và tái cấu trúc nền tảng văn hóa xã hội của con người, cũng như vai trò góp phần tạo nên tính đa dạng và chỉnh thể cho các hệ thống văn hóa xã hội đó. Các bài giảng sẽ tập trung vào các khái niệm cơ bản, các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong Nhân học ngôn ngữ, liên hệ các vấn đề lý thuyết với tiếng Việt và các ngôn ngữ khác ở Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần:

Phần I. *Mở đầu (Introduction)* –

1. Khái niệm “nhân học ngôn ngữ”
2. Đối tượng nghiên cứu
3. Nhiệm vụ nghiên cứu
4. Phương pháp nghiên cứu

Phần II. *Ngôn ngữ. Nguồn gốc, bản chất & tiến trình phát triển. (Language)*

1. Nguồn gốc của ngôn ngữ.
2. Bản chất của ngôn ngữ

3. Tiến trình phát triển của ngôn ngữ.
4. Hệ thống ngôn ngữ
 - Các đơn vị
 - Cấu trúc của hệ thống ngôn ngữ
5. Các chức năng cơ bản của ngôn ngữ.
 - Các chức năng cơ bản
 - Giao tiếp. Hành động giao tiếp.
6. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ - văn hóa – xã hội
 - Khái niệm văn hóa
 - Bản chất mối quan hệ

Phần III. *Giả thuyết Sapir-Whorf (The hypothesis of S-P)*

1. Lịch sử hình thành
2. Nội dung giả thuyết
3. Những nghiên cứu kế thừa và phê phán

Phần IV. *Các phương pháp nghiên cứu (Methods)*

1. Quan sát đối tượng
2. Thu thập cứ liệu như thế nào?
 - 2.1. Điền dã ngôn ngữ học là gì.
 - 2.2. Các bước chuẩn bị
 - 2.2.1. Xác định cảnh huống ngôn ngữ tại địa phương
 - 2.2.2. Thiết kế bảng hỏi
 - 2.2.3. Lựa chọn cộng tác viên
 - 2.3. Tiến hành tại thực địa
 - 2.3.1. Điều tra thông qua bảng hỏi
 - 2.3.2. Quan sát tham dự
 - 2.3.3. Phỏng vấn
3. Tiếp cận định tính và định lượng
4. Khảo tả dân tộc học lời nói

Phần V. *Một vài vấn đề nghiên cứu cụ thể (Some detailed issues)*

1. Sắc thái văn hoá trong lối nói ẩn dụ của một vài ngôn ngữ. (Metaphor)
2. Uyển ngữ và những “giới luật” hay “cấm kỵ” trong ngôn ngữ. (Euphemism)
3. Ngôn ngữ và giới tính (Gender)
4. Ngôn ngữ và “ý thức dân tộc” (Nationalism and ideology)
5. Lịch sự, thể diện, cái Tôi (Politeness, Face)
6. Vị thế xã hội (Social position)
7. Xã hội hóa ngôn ngữ (Language Socialization)
8. Ngôn ngữ nghi lễ, nghệ thuật ngôn từ (Ritual language and verbal art)
9. Sự biến đổi ngôn ngữ & văn hóa (Language & culture change)
10. Từ thân tộc (Kinship)

Phần VI. Xu hướng nghiên cứu của nhân học ngôn ngữ (*Trends of linguistic Anthropology*)

Phần VII. Thực hành thiết kế đề cương nghiên cứu

GIẢNG VIÊN

CHỦ NHIỆM KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Hồng Hạnh

PGS.TS Nguyễn Văn Sửu

PGS.TS. Nguyễn Văn Kim

35.